



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Khong Huu Tri
Last Middle First

Current Address: 271/19 Cách Mạng Tháng 8, P. Hòa Bình, Đống Nai

Date of Birth: 2-28-42 Place of Birth: Bến Tre

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 6-22-75 To 8-9-84
Years: 9 Months: 2 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: F.V.P.P.A.
Name
(see above)
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 12/88

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

Khổng Hữu Trí
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Phạm Thị Lai	2-18-45	wife
Khổng Hữu Trung	1-8-67	son
" Hữu Trí	10-18-70	"
" Hữu Trang Uyên Trang	12-23-71	daughter
" Hữu Nha Trâm	1-9-75	"

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONARY FOR EX. POLITICAL PRISONNER

I Basic information on applicant in V.N.

1. Full name of ex. political prisoner: KHÔNG HỮU TRÍ
2. Date place of birth: 28-02-1942 (Bến Tre)
3. Position rank (before April 1975): MAJOR. Flight leader
23 Wing Biên Hòa AIR BASE
4. Military number 62/600 573
5. Month, date year arrested: 22-6-1975
6. Month, date year out of camp: 09-08-1984
7. photocopy of release certificate.
8. Present military address of ex political prisoner:
appt. 975 - 3. allée des Hauts Bois - 93160 Le Grand
9. Current address: 271/19 Cách mạng tháng 8 Phước Hòa Bình Biên Hòa Đồng Nai

II. List full name . date of birth and place of ex. political prisoner and relatives.

1. Full name of ex. political prisoner:
KHÔNG HỮU TRÍ

2. Date place of birth: 28-2-1942 - Bến Tre

Relatives to accompany with ex. political prisoner to be exhibited for U.S. Country.

Name	date of birth	place of birth			
Phạm Thị Lai	18-2-1945	Phước Hòa Bình	wife		271/19 Cách
Không Hữu Trưng	8-1-1967	Biên Hòa	son	Single	Mang tháng 8
Không Hữu Thiết	18-10-1970	"	son		Phước Hòa Bình
Không Hữu Uyên Trang	23-12-71	"	daughter		Biên Hòa
Không Hữu Như Thảo	1-9-1975	"	daughter		Đồng Nai

III. Relative outside Viet-Nam.

1. Closet relative in the U.S.

2. Closet relative in the other foreign: ~~none~~

IV. Have you submitted the application of family information until now.

- we have submitted the application for family reunification, but we didn't receive for response

- The application have reply from Bangkok
O.S.P relation to: none.

Loi: none.

V. Comment remark:

TO U.S.A. PENSACOLA-FLORIDA.

- 10 July 1963 - TO 19 July 1965.

Fly TRAINING (U.S. NAVAL AIR STATION
Pensacola Florida)

- July 1968 - OKINAWA.

VI I list here all documents attached to This questionnaire:

1. certified out of reeducation camp.

5. photocopy of birth.

Bien Hoa 12 July 88.

Ural

Hình gửi chị KM. Thứ

Thưa chị. Tôi có lần đi theo chúng
trình O.D.D. đã ba lần gửi qua
thái lan nhưng chỉ có một lần được
gửi hồi báo là đã nhận được hồ
sơ cần thiết. Nhiều không nhận được
L.O. và IV gì cả. Không biết thế nào
lần tới lo qua chị ạ. Nay có anh
bạn giới thiệu và cho địa chỉ của
chị với hy vọng là chị sẽ
giúp đỡ giúp tôi càng sớm
càng tốt để gia đình tôi được an
tâm. Tôi có gửi kèm theo đây.

1 giấy da heo - 6 khai sinh - 1 giấy
hôn thú - 1 tờ passport và 1 ảnh.

Biên Hòa
12/7/88

Kính gửi
Ước

dui chi waiting address.

France.

Made... Cao Thi Chien

BỘ NỘI VỤ
Trại XUAN LOC
Số 697 CRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0	0	0	8	7	8	1	4	3	6	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 314/CD ngày 07 tháng 07 năm 1984

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh KHÔNG HỮU TRÍ Sinh năm 1942

Các tên gọi khác

Nơi sinh Bến tre

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

271/19 Cách mạng tháng 8 . P. Hoà bình. Biên hoà . Đ. Nai

Cán tội Điều tá sỹ quản hành quân sư đoàn 3

Bị bắt ngày 22/06/1975 An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tống án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 271/19 Cách mạng tháng 8. P. Hoà bình. Biên hoà. Đ. N

Nhận xét quá trình cải tạo

(Quản chế : 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã :

Trước ngày 18 tháng 08 năm 1984

Lưu trữ gốc trả phí

Của KHÔNG HỮU TRÍ

Danh bìa số

Lưu trữ

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

KHÔNG HỮU TRÍ

KHÔNG HỮU TRÍ /

Ngày 09 tháng 8 năm 1984

Giám thị



Thượng tá: Trịnh Văn Thích

Xác nhận

Kính gửi ngày 16/08/84

TM/ BCTH/CA2

Phó CA



Nguyễn Thị Lam

CHIẾU - NHẬN

VISA
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
REPUBLIC OF VIETNAM

Chiếu nhận số **8458**
Visa No.

Cấp cho **KHÔNG HỮU TRÍ**
Issued to

được xuất ngoại và
authorized to travel to
trong thời hạn **Sixante deux semaines**
and to return within

Chiếu khán này có hiệu lực trong 15
ngày, kể từ ngày

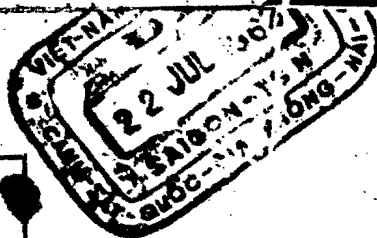
Sigón, ngày **19 juillet 1963**

T.U.N. Tổng Giám-Độc Cảnh-Sát
Quốc-Gia



U.S. & NATZ. SERVICE
HONOLULU, HAWAII 510
ADMITTED
JUL 22 1963

CLASS
78



CHIẾU - NHẬN
VISA

SGN No 000070



EMBASSY
OF THE UNITED STATES
OF AMERICA
SAIGON

NONIMMIGRANT VISA

CLASSIFICATION: **A-2**

DATE: **19 JUL 1963**

VALID IF PRESENTED BEFORE
19 JULY 1965 FOR

Unlimited APPLICATIONS

FOR ADMISSION INTO THE UNITED
STATES

ISSUED TO **KHÔNG HỮU TRÍ**

Kenneth N. Rogers
American Vice Consul

RÉPUBLIQUE DU VIÊT - NAM

EXTRAIT des minutes du Greffe de la Justice de Paix de Saigon

Du 21 Juin 1949

No II04

HDT/2

ACTE DE NOTORIÉTÉ

tenant lieu d'acte de naissance de **KHÔNG HỮU TRÍ**

L'an mil neuf cent 49

et le 21 Juin à 16 heures

Par devant Nous, **SAINT FELIX**

Juge de Paix

de la Ville

de Saigon, étant en notre Cabinet, sis à la Justice de Paix de ladite Ville 115, Boulevard Nguyễn-Huệ, assisté de M. **Joseph. Nguyễn-Văn-Trà** Greffier et de M. **Trần-Văn-Tài** interprète assermenté pour la langue Việtnamienne,

ONT COMPARU :

1^o) M. **Trần-Tấn-Bửu**,

2^o) M. **Bành-Thanh**

3^o) M. **Nguyễn-Văn-Nhuông**

Lesquels témoins, pour rendre hommage à la vérité et serment préalablement prêté, Nous ont déclaré et attesté connaître parfaitement le jeune **Không-Hữu-Trí** et savoir qu'il est né le 28 Février 1942 à An-Hội (Bentre) de **Không-Hữu-Lê** et de **Lê-Thị-Hoa**,

Et qu'il est, à leur connaissance que les causes pour lesquelles, il ne peut obtenir la représentation de son acte de naissance proviennent de la destruction de l'original de son acte de naissance, ainsi qu'il résulte de la réponse de M. le Greffier du tribunal de Mytho en date du 9 Août 1947,

Desquels faits que les témoins sus-nommés Nous ayant certifié sincères et véritables, Nous avons délivré le présent acte de notoriété pour suppléer à l'acte de naissance du jeune **Không-Hữu-Trí**, à l'effet de constituer le dossier Scolaire

et ce, en exécution de l'arrêté du 17 Novembre 1947 de M. le Président du Gouvernement provisoire de la République de Cochinchine — Lecture des articles 363 et suivants du Code pénal modifié punissant le faux témoignage en matière civile d'un emprisonnement de 2 à 5 ans, et d'une amende de 50 à 2.000 francs a été faite aux témoins et au requérant.

Et les témoins ont signé avec Nous, notre Greffier et notre interprète, après lecture et traduction,

Signé : illisible

En marge est écrit : Enregistré au 3^e Bureau de Saigon (A. J.)

Le 22 Juin 1949 Folio 57 case 22

GRATIS

Signé : Illisible.

POUR EXPÉDITION CONFORME :

Coût : Cinq piastres (05\$00)

SAIGON, le 29 Janvier

19 66

Le Greffier,
en Chef

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH: Biên Hòa
QUẬN: Đô 2
XÃ: Bình Trừ

Số hiệu: 113

TRICH-LUC

CHỨNG-THƯ HÔN-THU

Tên, họ người chồng KHÔNG HỮU THÁI
nghề-nghiệp Phai công
sinh ngày 23 tháng Hai năm Ngọt ngìn chín trăm tám mươi hai
tại An Hội (Đã tro)
cư-sở tại ABC 3004
tạm-trú tại Cơ sở Sĩ Quan Không Đoàn 73 Biên Hòa
Tên, họ cha chồng KHÔNG HỮU LỄ (sống) 52 tuổi
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ chồng LÊ THỊ HOÀ (sống) 50 tuổi
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ người vợ PHẠM THỊ LẠI
nghề-nghiệp Nội trợ
sinh ngày Ngày 10 tháng Hai năm Ngọt ngìn chín trăm tám mươi hai
tại Phước Thuận (Tân Bình) Gia Định
cư-sở tại /
tạm-trú tại Cơ sở Sĩ Quan Không Đoàn 73 Biên Hòa
Tên, họ cha vợ VŨ ĐOÀN
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ vợ PHẠM THỊ PHẢI (sống) 42 tuổi
(Sống chết phải ghi rõ)
— Ngày cưới Ngày bảy tháng ba năm Ngọt ngìn chín trăm tám mươi sáu
— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế /
ngày / tháng / năm /
tại /

Trích y bốn chánh
Bình Trừ ngày 10 tháng Đông năm 1967

Văn chức Hộ tịch,
Văn tịch Kiểm Ấp Tịch

NGUYỄN VĂN AN TỰ VỊ

PHAN VĂN VINH

VIỆT-NAM-CỘNG-HÒA

BỘ TƯ-PhÁP

SỞ TƯ-PhÁP
NAM-Phân

TRÍCH-LỤC ÁN PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM SAIGON

Ngày 23 tháng 12 năm 1958

Số 3831 NĐA

Tòa Sơ-thẩm Sài-gòn xử về việc

Hộ trong phiên nhóm công-khai

ngày 23 tháng 12 năm 1958

gồm có các ông :

Án-thế-vi khai-sanh cho

PHẠM-THỊ-LAI

Chánh-án : NGUYỄN-VĂN-QUY

Biện-ly : NGUYỄN-THỊ-CUONG

Lục-sự : NGUYỄN-KIM-PHONG

đã lên bản-án như sau đây :

BẢN-ÁN

TÒA-ÁN

Chiếu theo đơn của Phạm-thị-Phải
xin án-thế-vi khai-sanh cho con

Chiếu

BỞI CÁC LỄ ẤY :

TỜ MỘT

Chứng nhận : Phạm-thị-Phải
nhân Phạm-thị-Lai là con

Phán rằng : Phạm-thị-Lai, nữ, sinh ngày 18/2/1945
tại Phu-nhuân, Tân-bình, Gia-dinh, con của cha vô danh
và Phạm-thị-Phải.

.....

Phán rằng án này thế-vi khai-sanh cho tre ậy

Dạy ghi đoạn phán-quyết án này vào sổ khai-sanh đương-niệm
Phu-nhuân, Tân-bình, Gia-dinh
và lược-biên án này vào lễ tờ khai-sanh gần nhất ngày 18/2/1945
giữ lại lưu-trữ công-văn
tại nơi kê-trần và phòng lục-sự Tòa-án sở-tại

Dạy nguyên-đơn chịu hết án-phi.

Handwritten notes:
Khai 80
Số 2: 80
24/3/19

S6 1490 I25

Tên, họ đầu nhĩ: KHÔNG - HUU - TRUNG

Phái: Nam

Sinh: Mùng tám tháng Giêng dương lịch
(Ngày, tháng, năm) năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy

Tại: Bảo sanh Sơn Cao Biềnhóa

Cha: Không hữn Trĩ
(Tên họ)

Tuổi: Hai mươi lăm tuổi

Nghề-nghiệp: Phi công

Cư-trú tại: Cù xá Sĩ quan Không-đoàn 23 Biềnhóa

Mẹ: Phạm thị Lại
(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi hai tuổi

Nghề-nghiệp: Nội trợ

Cư-trú tại: Cù xá Sĩ quan Không-đoàn 23 Biềnhóa

Vợ: Võ chánh

Người khai: Nguyễn sơn Cao
(Tên, họ)

Tuổi: Bốn mươi tám tuổi

Nghề-nghiệp: Bác sĩ

Cư-trú tại: Bình-trước

Ngày khai: Mùng chín tháng Giêng năm 1967

Người chứng thứ nhứt: Huỳnh mai Huệ
(Tên, họ)

Tuổi: Ba mươi tám tuổi

Nghề-nghiệp: Nữ hộ sinh

Cư-trú tại: Bình-trước

Người chứng thứ nhì: Huỳnh kim Huệ
(Tên, họ)

Tuổi: Ba mươi ba tuổi

Nghề-nghiệp: Nữ hộ sinh

Cư-trú tại: Bình-trước

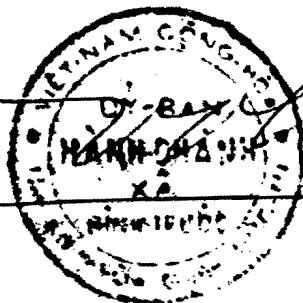
7-10-68

HỌ TÊN: Sanh 1967
 SỐ QUÂN: 3-10-1967
 ĐƠN VỊ: Đoàn 3 Đoàn 3
 ĐỊA ĐIỂM: Đoàn 3 Đoàn 3
 NGÀY: 9 tháng Giêng năm 1967
 HỌ TÊN: Hội-lợi
 CHỨC VỤ: Người khai,
 CHỨC VỤ: Người chứng,

Nguyễn Sơn Cao

Nguyễn Văn Năm
(tự Vó)

Huynh mai Hu
Huynh kim Hu



KHAI SANH

Số hiệu : 5106

Ấu-nhi :	Khổng - hữu - Triết
(Họ, tên)	
Phái :	Nam
Sanh	Mười tám tháng mười dương lịch
(Ngày tháng)	Một ngàn chín trăm bảy mươi
Tại :	Bao Sanh Thanh-Song Biên-Hòa
Cha :	Khổng hữu Trí
(Họ, tên)	
Tuổi :	Hai mươi tám tuổi
Nghề-nghiep :	Quản nhân
Cư-trú tại :	Bình-Trước Biên-Hòa
Mẹ :	Phạm thi Lai
(Họ, tên)	
Tuổi :	Hai mươi lăm tuổi
Nghề - nghiệp :	Nội trợ
Cư-trú tại :	Bình-Trước Biên-Hòa
Vợ	Chánh
Người khai :	Nguyễn thành Song
(Họ, tên)	
Tuổi :	Ba mươi ba tuổi
Nghề-nghiep .	Nữ hộ sinh
Cư-trú tại :	Bình-Trước
Ngày khai :	Hai mươi hai tháng mười năm 1970
Người chứng thứ nhất	Ngô thi Ghe
(Họ, tên)	
- Tuổi :	Hai mươi lăm tuổi
Nghề-nghiep :	Nữ hộ sinh
Cư-trú tại :	Bình-Trước
Người chứng thứ nhì :	Lý thi Thương
(Họ, tên)	
Tuổi :	Bốn mươi một tuổi
Nghề-nghiep :	Làm công
Cư-trú tại :	Bình-Trước

Làm tại Bình-Trước, ngày 22 tháng mười năm 1970

TRƯỞNG TỈNH ỦY BAN
CỘNG HÒA VIỆT NAM

Người khai,

Hộ lại,

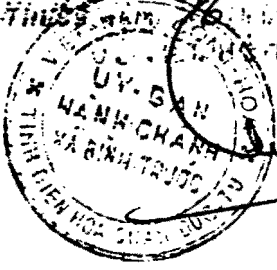
Nhân chứng,

Nguyễn thành Song

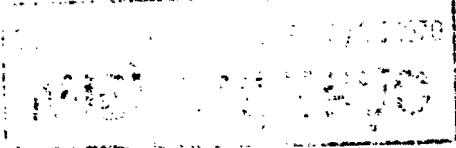
Nguyễn văn Chuộc

Ngô thi Ghe

Lý thi Thương



NGUYỄN VĂN CHUỘC



KHAI SANH

Số hiệu: 6973

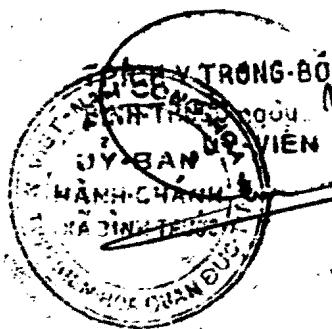
Tên, họ đủ - nhĩ:	Nguyễn Văn Văn
Phái:	M
Sanh:	Hai mươi ba tháng, một hai nghìn năm
(Ngày, tháng, năm)	hai nghìn năm trăm bảy mươi mốt
Tại:	Đã sinh ra tại tỉnh Bình Định
Cha:	Nguyễn Văn Văn
(Tên, họ)	
Tuổi:	Hai mươi ba tuổi
Nghề - nghiệp:	Quản lý
Cư-trú tại:	Đã sinh ra tại tỉnh Bình Định
Mẹ:	Nguyễn Thị Văn
(Tên, họ)	
Tuổi:	Hai mươi ba tuổi
Nghề - nghiệp:	Hai mươi
Cư-trú tại:	Đã sinh ra tại tỉnh Bình Định
Vợ:	Đã sinh ra tại tỉnh Bình Định
Người khai:	Nguyễn Văn Văn
(Tên, họ)	
Tuổi:	Hai mươi ba tuổi
Nghề - nghiệp:	Quản lý
Cư-trú tại:	Đã sinh ra tại tỉnh Bình Định
Ngày khai:	Hai mươi ba tháng, một hai nghìn năm
Người chứng thứ nhất:	Nguyễn Văn Văn
(Tên, họ)	
Tuổi:	Hai mươi ba tuổi
Nghề - nghiệp:	Quản lý
Cư-trú tại:	Đã sinh ra tại tỉnh Bình Định
Người chứng thứ nhì:	Đã sinh ra tại tỉnh Bình Định
(Tên, họ)	
Tuổi:	Hai mươi ba tuổi
Nghề - nghiệp:	Quản lý
Cư-trú tại:	Đã sinh ra tại tỉnh Bình Định

Làm tại tỉnh Bình Định, ngày tháng năm 1971

Người khai, Hộ-lại, Nhân-chứng,

Nguyễn Văn Văn Nguyễn Văn Văn Nguyễn Văn Văn

Đã sinh ra tại tỉnh Bình Định



NGUYỄN VĂN VĂN

TC.VT S5 4366 BN/HQ 29 ngày 30-12-71
MIỄN THỊ THỰC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 270069436

Họ tên **PHẠM THỊ LẠI**



Sinh ngày 18-02-1945.

Nguyên quán Hòa Bình.

T.1 Biên hòa, Đồng nai.

Nơi thường trú 271/19 Nguyễn-
hữu Cảnh, Biên hòa, Đ. nai.

Index

1. 15 t

A black and white photograph of a woven textile sample, showing a complex, dark, and textured pattern, likely a traditional rug or tapestry. The image is positioned on the right side of the page, below the 'Figure 1' caption.

NGŨN THỎ TRẠI

Độ chân 0,3cm dưới
sân dưới chân.

Ngày 02 tháng 1 năm 2021.

KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN
PHÒNG TRƯỞNG TỶ

Paul

2-1-1

NGON TREI PHAI

Xã, Thị trấn Hoa Bình
Thị xã, Quận Sông Lô
Thành phố, Tỉnh Hưng Yên

**BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH**

Số 76
Quyển số 01

[illegible]

Họ và tên	Khổng Hữu Trí Trâm		Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng, năm	Một tháng chín năm một ngàn chín trăm lăm mươi lăm (01-09-1975)			
Nơi sinh	Bến biển Bình Hòa			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Khổng Hữu Trí Ba mươi sáu tuổi (36)		Phạm Thị Lai Ba mươi ba tuổi (33)	
Dân tộc Quốc tịch			Kinh Việt Nam	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú			Sống nhàn rỗi 27/10 Nguyễn Hữu Cảnh Bình Hòa	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Phạm Thị Lai, Ba mươi ba tuổi 27/10 Nguyễn Hữu Cảnh Số 047.64310			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 20 tháng 01 năm 1988

TM, UBND  ký tên đóng dấu

Đã ký ngày 20 tháng 01 năm 1984
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

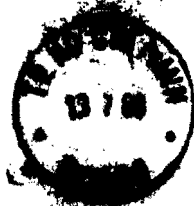
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

ACK CHC 1/10/10

Signature J. B.

Họ: Khổng-huân TRÍ
27/19 Cánh Màng Tháng 8
Phường Hòa Bình Điện Koa
ĐÔNG NAI

JUL 28 1981



TO: KHUẾ-MINH-THỦ

P.O. Box 5435 ARLINGTON

Virginia (VA) 22205

U.S.A

Crain & Brown

No.
299267

☐ Hold

Date

1ST Notice

2ND Notice

Return

Detached from
PS Form 3849-A,
Oct. 1995

~~2/10/96~~



Không hĩa
TĐ

28-2-1942

Sr. 62/600573

Pham Thi
LAI

18/2/1945

Không hĩa
TĐ

18/10/1970

Không hĩa
TĐ

8-1-67

Không hĩa
phục TĐ

1-9-75

Không hĩa
uyên TĐ

23/12/81

✓ H/22/88